

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ THỦY NÔNG VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945

Bùi Thị Hà⁽¹⁾

(1) Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/01/2022; Ngày gửi phản biện: 25/01/2022; Chấp nhận đăng: 30/03/2022

Liên hệ Email: habuivsh@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.03.311>

Tóm tắt

Thời thuộc Pháp (1858-1945), các công trình thủy nông là một trong những vấn đề được chính quyền quan tâm để phục vụ trực tiếp cho chiến tranh xâm lược và khai thác kinh tế thuộc địa. Nghiên cứu lịch sử thủy nông trong thời kỳ này sẽ làm sáng tỏ hơn lịch sử Việt Nam thời cận đại nói chung và ngành thủy lợi nói riêng. Bài viết này bước đầu tổng quan tình hình nghiên cứu thủy nông thời Pháp thuộc nhằm góp thêm tư liệu về quá trình hình thành và phát triển của hệ thống thủy nông, về chính sách phát triển thủy nông phục vụ mục tiêu kinh tế và chính trị và quân sự của nhà cầm quyền Pháp, về quản lý khai thác và tác động của các công trình thủy nông đối với kinh tế, xã hội Việt Nam thời cận đại. Tổng quan tài liệu này trình bày như một nghiên cứu độc lập đồng thời cũng có thể sử dụng như một phần lịch sử nghiên cứu vấn đề để phát triển các hướng nghiên cứu mới.

Từ khóa: lịch sử, nông nghiệp, thủy nông, Pháp thuộc

Abstract

LITERATURE REVIEW ON VIETNAM HYDRAULIC AGRICULTURE FROM 1858 TO 1945

Irrigation works were one of the government's main concerns throughout the French colonial period (1858–1945), as they directly served the war of aggression and economic exploitation of colonial agricultural. Studying the history of irrigation during this time period would reveal a lot about the modern history of Vietnam in general and the irrigation business in particular. This paper begins by providing an overview of irrigation research during the French colonial period in order to provide more information on the formation and development of the irrigation system, the French colonial government's irrigation development policy for economic, political, and military purposes, exploitation management, and the effects of irrigation work on the Vietnamese economy and society in modern times. This literature review appears to be a stand alone study, but it can also be utilized as part of a research history to assist uncover new research.

1. Mở đầu

Trong lịch sử Việt Nam, nông nghiệp luôn giữ vai trò chủ đạo, chi phối mọi hoạt động của đời sống kinh tế-xã hội. Trong sản xuất nông nghiệp, nước là vấn đề quan trọng sống còn, vì điều kiện khí hậu và địa hình ở Việt Nam khiến có nơi thì thừa nước gây lũ lụt, có nơi thì thiếu nước gây hạn hán. Tầm quan trọng của nước được thể hiện rõ trong câu thành ngữ: “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Điều hòa nguồn nước hay công tác thủy nông chính là “lợi dụng cái lợi của nước, khắc chế cái hại của nước” là một trong những biện pháp quan trọng nhất để duy trì, bảo vệ và phát triển nông nghiệp, giao thông-vận tải, thương mại... Nghiên cứu thủy nông qua từng giai đoạn lịch sử, từng vùng miền là việc làm cần thiết, bởi từ kết quả nghiên cứu này sẽ giúp các chính quyền nhà nước và nhân dân có thể tìm ra cách thích ứng với các điều kiện tự nhiên, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ cuộc sống sinh hoạt và sản xuất.

Thời cận đại (1858-1945), phục vụ quá trình khai thác kinh tế và cai trị thuộc địa, thực dân Pháp đã từng bước xây dựng nhiều hệ thống thủy nông mới, bên cạnh việc duy trì, mở rộng những công trình đã được triều Nguyễn kiến tạo từ trước đó. Các công trình thủy nông mới đã có những tác động tích cực nhất định đến nền kinh tế nông nghiệp và giao thông Việt Nam thời kỳ đó như cải tạo đất, mở rộng diện tích canh tác, tăng vụ, tăng năng suất lúa, phát triển kinh tế hàng hoá, giao thông vận tải bằng đường thủy... Tuy nhiên, nó cũng bộc lộ những hạn chế trong quá trình vận hành, như yếu kém về đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, hiệu quả hoạt động, bất phu, lao dịch làm công trình thủy nông cho nhà nước...

2. Những nghiên cứu về nông nghiệp Việt Nam thời cận đại có đề cập tới vấn đề thủy nông

Những nghiên cứu về nông nghiệp Việt Nam thời cận đại có đề cập đến vấn đề thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 khá phong phú, với nhiều ngôn ngữ như tiếng Pháp, Việt... xuất hiện từ đầu đến cuối thế kỷ XX. Tiêu biểu là các công trình về kỹ thuật trồng lúa của René Dumont (1935); Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ của Pierre Gourou (1936); Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại của Viện Sử học (1990); Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939) của Jean Pierre Aumiphin...

Nghiên cứu của René Dumont (1935) là một trong những chuyên khảo đầu tiên về nông nghiệp và thủy nông Việt Nam từ truyền thống đến thời thuộc Pháp. Công trình của René Dumont dày 582 trang, được kết cấu thành 17 chương và 3 phần phụ lục, cung cấp nhiều sử liệu có giá trị tham khảo về nghề trồng lúa nhiệt đới theo phương pháp truyền thống ở đồng bằng Bắc Kỳ. Trong đó, tác giả đã dành ra 2 chương (chương 5 dài 15 trang và chương 12 dài 26 trang) để nghiên cứu về thủy nông, cách thức tưới tiêu của người bản xứ và việc cung cấp nước của các dòng sông ở Bắc Kỳ.

Pierre Gourou (1936) đã chia công trình của mình thành 3 phần với 11 chương, trong đó chương 3 của phần thứ nhất (35 trang) đề cập tới vấn đề nước và hiểm họa của

nó (các sông Hồng, Thái Bình, thủy triều); về đê điều (đê sông Hồng, các con đê khác); Thoát nước; các vùng ven biển; tưới ruộng thật sự (tưới nước của nông dân, những hệ thống tưới). Nghiên cứu của Gourou không chỉ cung cấp những dữ kiện cơ bản về đời sống nông dân vùng châu thổ Bắc Kỳ, kinh tế nông nghiệp, thủy nông, biện pháp canh tác... mà còn mang tới những dự báo có tính thời sự về nông nghiệp và những kinh nghiệm thiết thực cho công tác thủy nông ở Việt Nam hiện nay.

Công trình của Viện Sử học (1990) là nguồn tham khảo quý cho chúng tôi khi nghiên cứu về thủy nông Việt Nam thời cận đại. Với chủ đề đã nêu, chúng tôi quan tâm hơn cả đến bài lược thuật của Chương Thâu “Ý kiến của Nguyễn Trường Tộ về vấn đề nông nghiệp và nông thôn của nước ta cuối thế kỷ XIX”. Như tên gọi bài viết, Chương Thâu đã lược thuật bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, trong đó có vấn đề thủy lợi: đào kênh và bảo vệ đê điều chống lũ lụt ở đồng bằng Bắc Kỳ. Qua đó, Nguyễn Trường Tộ là người có tầm nhìn vượt thời đại khi gắn kết các vấn đề thủy lợi với môi trường, ông nhấn mạnh *nguyên nhân lũ lụt là do rừng bị phá. Cây cối có tác dụng điều hòa khí hậu, thế mà triều đình đã để mặc cho rừng bị đốt phá bừa bãi*. Ông đề nghị phải trồng cây gây rừng, trồng cây cả miền đồng bằng và trồng cả trên những bãi biển, *để không những khí hậu được điều hòa, mà phong cảnh đất nước cũng tươi đẹp thêm*.

Jean Pierre Aumiphin đã dựng lên bức tranh tổng thể về sự hiện diện tài chính, kinh tế của Pháp ở Đông Dương qua các lĩnh vực, trong đó có việc đầu tư vốn cho các công trình thủy nông trước và sau năm 1931 (dựa trên ngân sách hiện có hoặc vốn vay bằng công trái), các công việc thủy nông ở Nam Kỳ, Trung và Bắc Kỳ, hiệu quả kinh tế của các công trình này: đất canh tác, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo...

3. Những nghiên cứu về thủy nông Việt Nam nói chung

Trong số các nghiên cứu trực tiếp về thủy nông Việt Nam thời cận đại, sớm nhất là hai công trình của Constantin (1918) và Andrée Choveaux (1924). Andrée Choveaux (1924) đã trình bày những việc cần phải làm về thủy nông ở Việt Nam: với Bắc Kỳ là đê điều; với Nam Kỳ là việc đào kênh ở vùng đất thấp cho thủy nông và giao thông; với Trung Kỳ là vấn đề tưới cho các vùng đất khô hạn; so sánh diện tích đất canh tác mở mang do thủy nông ở các vùng thuộc địa của Pháp như Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên với Java, Ấn Độ. Andrée Choveaux cũng nêu bật thành tựu trong công tác thủy nông ở Việt Nam đầu thế kỷ XX: các công trình Kép (Bắc Giang), Sông Chu (Thanh Hóa), Sông Cầu (Bắc Ninh), Vĩnh Yên... và ngân sách thực hiện các dự án tưới nước ở các kỳ.

Pouyanne (1926) cho rằng về cơ bản công trình công chính ở Đông Dương có 3 loại: *Loại thứ nhất là những công trình đem lại lợi ích trực tiếp* bao gồm những công trình làm tăng ngay năng suất của những vùng được xây dựng. Loại này gồm những công trình thủy nông, tưới tiêu nước cho các vùng đất; *Loại thứ hai là các công trình đem lại lợi ích gián tiếp*, giữ vai trò thiết yếu trong sự phát triển của kinh tế liên bang như đường sông, kênh đào, đường sắt, cảng biển và cảng sông; *Loại thứ ba là các công trình xây dựng cơ bản* phục vụ

y tế, giáo dục và các viện nghiên cứu. Trong *nhóm các công trình lợi ích trực tiếp*, các kênh đào ở Nam Kỳ được nhắc đến đầu tiên. Với thủy nông Nam Kỳ, Pouyanne trình bày sự tăng trưởng về diện tích canh tác, sản lượng xuất khẩu gạo, giao thông đường thủy cũng như những việc cần phải làm tiếp theo. Với thủy nông ở Bắc và Trung Kỳ, tác giả chỉ ra yêu cầu cần thiết là tưới và tiêu nước, hoạt động của công trình thủy nông Vĩnh Yên, Sông Cầu (Bắc Ninh), Sơn Tây, Thanh Hóa, Phú Yên, giá thành 1 ha đất được tưới, thặng dư giá trị do thủy nông đem lại và những việc cần tiếp tục phải làm. Trong *nhóm các công trình có lợi ích gián tiếp*, Pouyanne phân tích những loại hình cụ thể là đường sông-kênh đào Nam Kỳ, các đê và lũ lụt ở Bắc Kỳ, hiện trạng khai thác các con kênh nhỏ ở Bắc Kỳ. Bên cạnh đó, Pouyanne trình bày về cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nha Công chính Đông Dương... Nghiên cứu của Pouyanne cung cấp những thông tin hữu ích về các công trình thủy nông, vai trò và vị trí của chúng trong nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ. Tuy nhiên, nghiên cứu của Pouyanne tập trung từ những năm 1912 đến năm 1926, một số dữ liệu không ghi rõ năm tháng.

Phan Khánh (2014) đã dựng lên bức tranh toàn cảnh về lịch sử thủy nông Việt Nam từ thời dựng nước đến năm 1995. Trong đó, thủy nông Việt Nam từ thời Nguyễn đến năm 1945 được trình bày trong 5 chương: Nhà Nguyễn với công việc đê điều trị thủy Bắc Thành (chương 5, 15 trang), Khoa học kỹ thuật trị thủy sông Hồng triều Nguyễn (1802-1884) (chương 6, 25 trang), Công tác thủy nông triều Nguyễn và đào kênh Nam Kỳ đợt đầu của Pháp (chương 7, 31 trang), Công cuộc đào kênh ở đồng bằng sông Cửu Long của người Pháp từ năm 1930 đến 1944 (chương 8, 30 trang), Đê điều và trị thủy thời thuộc Pháp (1884-1945) (chương 9, 22 trang). Tại phần Tổng luận, công trình đã nêu bật vai trò và vị trí của thủy nông trong lịch sử kinh tế Việt Nam (Vai trò của trị thủy, thủy nông; quá trình phát triển của thủy lợi và sự tác động qua lại giữa thủy lợi với sản xuất và tổ chức xã hội; vai trò của nhân dân; Nhà nước có giai cấp với công cuộc thủy lợi). Cùng với đó, Phan Khánh còn đưa ra những nhận định về nhà Nguyễn và thực dân Pháp trong công cuộc làm thủy nông ở Việt Nam: nhà Nguyễn là triều đại đắp đê nhiều nhất, nhưng cũng là thời kỳ vỡ đê nhiều nhất. Có lẽ dấu ấn lớn nhất của nhà Nguyễn chính là công cuộc đào kênh ở Nam Kỳ; những đánh giá về thực dân Pháp trong quá trình triển khai các công trình thủy nông ở Việt Nam như thất bại đắp đất lấp cửa sông Đuống, xây dựng đập Đáy để điều tiết lũ cho sông Hồng, những món lợi kèch xù mà chính quyền thu được từ việc bán đất canh tác hay xuất khẩu lúa gạo, nông sản...

4. Những nghiên cứu về thủy nông ở các địa phương

Bên cạnh những công trình viết về thủy nông của Việt Nam nói chung, còn có nhiều nghiên cứu đề cập tới vấn đề thủy nông ở các địa phương cụ thể. Những nghiên cứu này cung cấp các mảnh ghép trong bức tranh tổng thể về thủy nông Việt Nam thời kỳ cận đại.

4.1. Những nghiên cứu về thủy nông Nam Kỳ

Nghiên cứu về thủy nông Nam Kỳ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX và tập trung chủ yếu trong khối công trình của các học giả sử dụng tiếng Pháp. Đây cũng là phần nghiên cứu

chiếm dung lượng lớn nhất trong các nghiên cứu về thủy nông ở các vùng miền của Việt Nam. Các chủ đề chủ yếu được đề cập đến là việc đào sông kênh ở Nam Kỳ, tập trung ở một số tỉnh miền Tây Nam Kỳ...

Kỹ sư Pouyanne là một trong những người Âu đầu tiên có những nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề công chính, thủy nông Việt Nam. Năm 1911, Pouyanne cho xuất bản khảo cứu đầu tiên về thủy nông ở Nam Kỳ thời cận đại. Nghiên cứu gồm 7 chương và 4 phụ lục, tập trung vào các nội dung: Chế độ dòng chảy trong các sông và kênh đào ở Nam Kỳ, ảnh hưởng của chế độ dòng chảy nước tới việc đào kênh ở Nam Kỳ, các công trình để điều chỉnh dòng nước, giao thông đường thủy, nhân sự ngành thủy nông ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX.

Năm 1930, Phủ Toàn quyền Đông Dương xuất bản khảo cứu về hoạt động đào kênh ở Nam Kỳ, đi sâu vào trường hợp kênh Rạch Giá-Hà Tiên. Cuốn sách chia làm 3 chương: Chương 1: Lịch sử nạo vét ở Nam Kỳ, Chương 2A: Những hoạt động nạo vét và phát triển của Nam Kỳ; Chương 3: Những miêu tả chung về Kênh Rạch Giá-Hà Tiên. Gouvernement générale de l'Indochine (1930) đi sâu trình bày lịch sử kênh Rạch Giá-Hà Tiên, với nhiều số liệu về vốn đầu tư, khối lượng đào đất và chiều dài kênh đào từ năm 1866 đến năm 1917. Chúng tôi tiếp thu những dữ liệu phong phú trong công trình, tuy nhiên lại không đồng ý với quan điểm được nêu ra khi cho rằng việc đào kênh là sự khai hóa văn minh mà người Pháp mang tới vùng Rạch Giá-Hà Tiên nói riêng và Nam Kỳ nói chung: “Mặc dù việc giao thương bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế đang lan rộng tuy nhiên cần phải nhấn mạnh thêm một lần nữa rằng sự vươn lên cùng với công cuộc thực dân hóa người An nam đã tiếp tục gắn với sự tăng lên của những cái tàu cuộc”.

Trần Hữu Thắng (2018) đã trình bày khái quát chính sách khai hoang, thủy lợi ở Tây Nam Bộ trước thế kỷ XIX, làm rõ chính sách, phương thức đào kênh thời Nguyễn 1802-1867. Từ đó, Trần Hữu Thắng đưa ra những đánh giá về vương triều Nguyễn nói chung và chính sách phát triển nông nghiệp nói riêng. Song song với đó, nghiên cứu của Trần Hữu Thắng đề cập về chính sách, biện pháp cải tạo, xây dựng hệ thống thủy nông của thực dân Pháp, tác động của thủy nông đối với một số phương diện của kinh tế và xã hội ở vùng Tây Nam Kỳ (1867-1945).

4.2. Những nghiên cứu về thủy nông Bắc Kỳ

Edm.Chassigneux là tác giả đầu tiên viết về thủy nông ở Bắc Kỳ thời cận đại, cụ thể là vấn đề tưới nước ở vùng đồng bằng này. Chassigneux (1912) trình bày nghiên cứu của mình bằng cách chia nhỏ đồng bằng Bắc Kỳ thành những tiểu vùng khác nhau như vùng biển, vùng phía Bắc đồng bằng, vùng trung tâm đồng bằng, so sánh sự khác biệt trong vấn đề tưới tiêu của các tiểu vùng này. Đặc biệt, Chassigneux là một trong những người đầu tiên đưa ra khái niệm *quy hoạch thủy lợi theo ngấn*, được áp dụng ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ như Thái Bình, Nam Định... Nghiên cứu của Chassigneux cung cấp nhiều dữ liệu có giá trị cho chúng tôi trong quá trình thực hiện bài viết này.

Cùng năm 1912, Honoré Paulin đã có một bài nghiên cứu dày dặn về việc tưới nước ở Bắc Kỳ và phía Bắc Trung Kỳ. Nghiên cứu của Paulin gồm: 1./Tổng luận chung về đặc điểm thủy văn của đồng bằng Bắc Kỳ và những yêu cầu đặt ra cho thủy nông của xứ này, khai thác lúa gạo giai đoạn 1897-1910; 2./Vùng đồng bằng Bắc Kỳ: các trận lũ và vỡ đê, những lần mất mùa và thiệt hại; 3./Lúa gạo: xung quanh việc trồng cấy và thu hoạch lúa gạo, cách thức làm thủy nông truyền thống của người Việt, Bắc Kỳ dưới góc nhìn lúa gạo; 4./Thiết lập những giá trị cho đất đai: Cải tạo, thủy nông ở các tỉnh Bắc Kỳ, kết quả các vụ thu hoạch tháng 10-1909 và tháng 5-1910, vấn đề tưới nước cho vùng cao của đồng bằng và phía Bắc Trung Kỳ bằng trọng lực. Paulin đã cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về cách thức làm thủy nông truyền thống của người Việt cũng như sự chuyển đổi của lĩnh vực này những năm đầu thế kỷ XX. Tựa đề bài báo gồm cả Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tuy nhiên những thông tin về Bắc Trung Kỳ còn khá ít ỏi.

Nghiên cứu dài 23 trang của Rouen (1914) viết về việc tưới trong các vùng đồng bằng ở Kép, Vôi, Bảo Lộc, và Phủ Lạng Thương. Bài viết tập trung trình bày quá trình hình thành hoạt động và kết quả tác động của hệ thống tưới nước Kép, qua các phần nội dung như: Lịch sử, xây dựng đập Cầu Sơn và kênh dẫn, thiết lập các kênh phân phối nước, hoạt động của các kênh, những kết quả thu được từ việc tưới nước (vụ tháng 5), kinh phí và nhân sự. Rouen kết luận Kép là công trình tưới nước quan trọng đầu tiên ở Bắc Kỳ, mang tới những lợi ích to lớn cho vùng được tưới: tăng vụ từ 1 vụ lên thành 2 vụ tháng 5 và tháng 10, cải tạo chất lượng và tăng giá đất, tăng năng suất cây trồng... Lợi ích của việc tưới nước cho phép áp dụng mức giá đưa ra cho Bắc Kỳ mạng lưới tưới bằng trọng lực không cần đến sự đòi hỏi kinh phí của Thuộc địa.

Henri Le Granclaude (1933) đưa ra một cách nhìn mới khi đặt thủy nông trong mối tương quan với các vấn đề xã hội, nạn đói ở Việt Nam, đặc biệt là vùng Bắc Kỳ, trên cơ sở những kết quả điều tra thực địa. Henri Le Granclaude cho rằng hạn hán, lũ lụt gây ra mất mùa, nạn đói ở Việt Nam, và muốn khắc phục tình trạng đó thì phải thực hiện các công trình thủy nông như làm đê điều, các kênh tưới, tiêu... Henri Le Granclaude chia nghiên cứu của mình thành 9 phần là: Danh sách những người tử nạn vì đói ở Việt Nam, việc phòng thủ chống lại các yếu tố, Những công trình dẫn nước đầu tiên ở Kép, Một thành tựu to lớn (Vĩnh Yên), Người khai thác nước (Sông Cầu), Trạm bơm (Sơn Tây), Quy hoạch theo ngăn (Thái Bình, Nam Định), sự chiến thắng của con người, sự cải thiện nòi giống. Trong các phần viết nói trên, Henri Le Granclaude đã trình bày khái quát sự ra đời, hoạt động và hiệu quả của các hệ thống thủy nông Kép, Vĩnh Yên, sông Cầu, Sơn Tây... Qua đó khẳng định các công trình thủy nông mang lại những lợi ích gián tiếp, những lợi ích về mặt xã hội: giảm nhẹ thiên tai, góp phần tăng dân số và cải thiện nhân chủng cho cư dân ở Bắc Kỳ và Việt Nam lúc bấy giờ.

Trong chuỗi chủ đề thủy nông ở đồng bằng Bắc Kỳ, thủy lợi Thái Bình 1883-1945 là một công trình tâm huyết của Nguyễn Văn Am. Nguyễn Văn Am (2000) đã xây dựng chủ đề nghiên cứu thành 3 chương: Khái quát tình hình thủy lợi ở Thái Bình

trước năm 1883, Thủy lợi Thái Bình từ năm 1883 đến năm 1930 và Thủy lợi Thái Bình từ năm 1930 đến năm 1945. Trong hai chương chính về hoạt động thủy lợi ở Thái Bình 1883-1945, Nguyễn Văn Am phân tích hoàn cảnh lịch sử, kế hoạch và biện pháp giải quyết các vấn đề thủy lợi, những công trình được tu sửa, xây dựng và hiệu quả của chúng. Chúng tôi đồng ý với những đánh giá của Nguyễn Văn Am khi cho rằng những yếu kém của thủy lợi Thái Bình 1883-1945 ngoài yếu tố thiên tai, địa lý, các biến cố chính trị thì lý do chính vẫn nằm ở chủ trương và biện pháp giải quyết của thực dân Pháp còn nhiều hạn chế.

Với chủ đề thủy nông đồng bằng Bắc Kỳ, Olivier Tessier (2012) đã đặt thủy nông dưới góc nhìn về vai trò của nhà nước phong kiến và nhà nước thuộc địa (thế kỷ XII đến nửa đầu thế kỷ XX). Bài nghiên cứu dài 44 trang của Tessier phân tích đặc điểm thủy văn vùng châu thổ sông Hồng (sông, chế độ mưa, lưu lượng nước); trị thủy: mối quan tâm từ ngàn đời (thế kỷ XII-XVIII), hệ thống tưới tiêu: sự bất lực của triều đình; Nhà Nguyễn: một tầm nhìn bao quát và sáng tạo về quy hoạch thủy lợi (hướng tới việc đắp đê toàn diện ở đồng bằng sông Hồng, thảo luận xung quanh tính hữu ích của việc tu bổ và gia cố đê điều, đê công, đê tư, tưới nước và chinh phục các bãi bồi ven biển); thời kỳ thuộc địa: hướng đến hợp lý hóa các công trình thủy nông. Nghiên cứu của Tessier mang đến một cách tiếp cận mới về vấn đề thủy nông: trên phương diện quy hoạch của các chính quyền nhà nước ở Việt Nam thời cận đại.

4.3. Những nghiên cứu về thủy nông Trung Kỳ

Từ trước tới nay, nghiên cứu về thủy nông Trung Kỳ thời cận đại còn khá ít ỏi, hoặc được đan cài trong các công trình thông sử, các nghiên cứu về thủy nông Việt Nam nói chung. Vì vậy, nghiên cứu chuyên sâu của Trần Vũ Tài về thủy nông Bắc Trung Kỳ là một tài liệu đáng chú ý. Trần Vũ Tài (2007) phân tích thực trạng thủy nông Bắc Trung Kỳ thời Nguyễn và thời Pháp: hệ thống đê sông Cả, sông Mã; một số dự án thủy nông được chính quyền thuộc địa triển khai: sông Chu, hệ thống dẫn thủy nhập điền Bắc Nghệ An... Bên cạnh đại thủy nông, chính quyền còn chú ý đến các công trình nhỏ như hệ thống dẫn thủy nhập điền tự chảy ở Hà Tĩnh. Tác giả kết luận, công tác thủy nông thời thuộc địa có nhiều chuyển biến mới so với thời quân chủ: chinh phục, cải tạo tự nhiên, mở rộng diện tích gieo trồng, phát triển nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

5. Nhận xét đánh giá

Trong xu thế đó, những nghiên cứu đã công bố chủ yếu và trước hết tập trung vào các vấn đề thủy nông ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ: Thủy nông ở Nam Kỳ tập trung vào việc đào xới, mở rộng và xây dựng các con kênh; Thủy nông ở Bắc Kỳ tập trung vào việc tưới nước cho các vùng cao khô hạn, tháo úng cho những vùng đất thấp bị ngập lụt và đắp đê ngăn lũ. Nghiên cứu về thủy nông Trung Kỳ còn khá ít ỏi, xuất hiện trong các công trình về lịch sử nông nghiệp và thủy nông Việt Nam.

Những công trình đã công bố là những kết quả nghiên cứu quan trọng, có thể kế thừa, nhưng cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những vấn đề chưa đề cập tới, hoặc đề cập chưa rõ như: *vốn đầu tư, nhân công và nhân sự, kỹ thuật thủy nông, các vấn đề thủy nông ở Trung Kỳ thời kỳ cận đại*. Đây chính là khoảng trống còn đang đặt ra cần đến sự giải quyết trong những nghiên cứu tiếp theo. Vì vậy, những người nghiên cứu sau này cần phải bổ sung các tư liệu địa phương, tư liệu lưu trữ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt để làm rõ các khoảng trống trong nghiên cứu thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945.

Ngoài ra, với cùng một chủ đề nghiên cứu, các tác giả Việt Nam và nước ngoài có những điểm giống và khác biệt trong quan điểm nhìn nhận và phương pháp nghiên cứu. Phần lớn các học giả Việt Nam đều cho rằng các công trình thủy nông gắn liền với quá trình khai thác kinh tế của Pháp ở Việt Nam, và còn tồn tại khá nhiều yếu kém, hạn chế. Cũng có một số khác cho rằng, thủy nông hiện đại là một khía cạnh của văn minh phương Tây, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thủy nông, nông nghiệp Việt Nam... Trong khi đó, các học giả nước ngoài thì nhìn nhận hệ thống thủy nông mà người Pháp xây dựng ở Việt Nam đã mang lại nhiều lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội (tăng năng suất, mở rộng diện tích, tăng vụ, tăng dân số, cải thiện nòi giống) cho xứ thuộc địa này, qua đó khẳng định vai trò của nhà nước thực dân trong công cuộc hiện đại hóa, phát triển nông nghiệp và cơ sở hạ tầng ở Việt Nam thời kỳ thuộc địa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Am (2000). *Thủy lợi Thái Bình 1883-1945*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Jean Pierre Aumiphin. *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)*, Đinh Xuân Lâm, Ngô Thị Chính, Hồ Song, Phạm Quang Trung (1994) dịch, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
- [3] Phan Khánh (Chủ biên) (1981). *Sơ thảo lịch sử thủy lợi Việt Nam, Tập 1*. NXB Khoa học Xã hội.
- [4] Phan Khánh (Chủ biên) (2014). *Lịch sử thủy lợi Việt Nam*. NXB Thời đại, Hà Nội.
- [5] Olivier Tessier (2012). Quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng: nhìn nhận lịch sử về vai trò của nhà nước phong kiến và nhà nước thuộc địa (thế kỷ XII đến nửa đầu thế kỷ XX). Khóa học mùa hè Tam Đảo.
- [6] Trần Vũ Tài (2007). *Vài nét về chuyển biến của thủy nông Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 6.
- [7] Trần Hữu Thắng (2018). *Thủy nông vùng Tây Nam Bộ từ năm 1802 đến năm 1945* (Luận án Tiến sĩ Lịch sử). Đại học Vinh.
- [8] Viện Sử học (1990). *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, tập 1. NXB Khoa học Xã hội.
- [9] A. Bigorgne (1938). L'Hydraulique agricole dans le delta tonkinoise. Bulletin économique de l'Indochine.
- [10] Edm. Chassigneux (1912). L'irrigation dans le delta du Tonkin. In: Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient, tome 12, pp.11-55.
- [11] Andrée Choveaux (1924). L'hydraulique agricole en Indochine. Annales de Géographie, 181, Paris.

- [12] Constantin L. (1918). *L'hydraulique agricole en Indochine*. H.: IDEO.
- [13] A.Pouyane (1911). *Voies d'eau de la Cochinchine*. Imprimerie nouvelle, Saigon.
- [14] René Dumont (1935). *Le culture du riz dans le delta tonkinoise*, Paris. Société d'édition géographique maritime et coloniale.
- [15] Pierre Gourou (1936). *Les paysans du delta Tonkinois. Étude de Géographie Humaine*. Éditions d'Art et d'Histoire, Paris.
- [16] Gouvernement générale de l'Indochine (1930). *Dragages de Cochinchine-Canal Rach gia-Hatien*.
- [17] Henri Le Granclaude (1933). *Les eaux disciplinées, ont mis en dérouté la famine*. Éditions de la resse populaire de l'empire d'Annam.
- [18] Honoré Paulin (1912). Les irrigations au Tonkin et dans le nord Annam. *La Dépêche Colonial illustrée*.
- [19] A. Pouyane (1926). *Les travaux publics de l'Indochine*. Impr. d'Extrême-Orient.
- [20] Rouen (1914). "L'irrigation des plaines de Kep, Voi, Bao-Loc, Les Pins et Phu-Lang-Thuong. *Bulletin économique de l'Indochine*.